TỈNH UỶ CAO BẰNG * Số 31-KH/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Cao Bằng, ngày 28 tháng 11 năm 2025*

KẾ HOẠCH

thực hiện nội dung đột phá về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung đột phá về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST&CĐS) giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 thành mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, phù hợp thúc đẩy KHCN, ĐMST&CĐS phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh địa phương, đưa tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

- Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò chiến lược của KHCN, ĐMST&CĐS, trên cơ sở đó, khẳng định quyết tâm chính trị, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự giác, gương mẫu của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, quần chúng trong việc triển khai thực hiện thúc đẩy KHCN, ĐMST&CĐS trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các nhiệm vụ, giải pháp được xác định có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, trên cơ sở bám sát quan điểm, định hướng, chính sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển KHCN, ĐMST&CĐS, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Lãnh đạo, chỉ đạo phát triển mạnh mẽ KHCN, ĐMST&CĐS; đưa KHCN thực sự là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng

sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

(1) Tiềm lực, trình độ KH&CN được đầu tư đáp ứng các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao ở các lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ chế biến, công nghệ thông tin. Một số lĩnh vực KH&CN thuộc các ngành có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đạt trình độ khá trong cả nước.

(2) Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt từ 40% trở lên; chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) tỉnh Cao Bằng tăng ít nhất 03 bậc so năm 2025.

(3) Kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nền tảng chuyển đổi số đạt trên 90%; giao dịch không dùng tiền mặt của người dân đạt 80%; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 70%.

(4) Trên 70% các nhiệm vụ KHCN được ứng dụng vào thực tiễn; có trên 03 doanh nghiệp khoa học công nghệ; hỗ trợ ít nhất 05 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 20% trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động của tỉnh.

(5) Phấn đấu các xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh được tiếp cận các hoạt động KH&CN và có các Đề tài nghiên cứu ứng dụng KH&CN, ứng dụng kết quả KH&CN vào thực tiễn nhằm phát huy các thế mạnh, các sản phẩm đặc hữu của địa phương.

(6) Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 10 người trên một vạn dân.

(7) Kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị đạt 100% trên môi trường mạng.

(8) Hạ tầng số được đầu tư và phát triển tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông rộng ngang tầm các tỉnh trong cả nước đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, 100% thôn, xóm có điện lưới được phủ sóng băng rộng di động; Hạ tầng mạng băng rộng cố định (cáp quang) được kết nối đến 100% cấp xã và trên 85% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ di động 4G, phấn đấu 100% trung tâm phường, xã được phủ sóng 5G.

(9) Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 80% dân số; Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt tối thiểu 80%; Số lượng kết nối IoT đạt mức trung bình của Việt Nam.

(10) Lựa chọn tối thiểu 1 đến 2 lĩnh vực đặc thù của tỉnh (như: cửa khẩu, du lịch, nông nghiệp…) để thí điểm sandbox.

(11) 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ toàn trình, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(12) Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về lãnh đạo, chỉ đạo

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, quyết tâm chính trị cao, tạo xung lực, khí thế mới về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở các cấp, các ngành, người dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST&CĐS. Xác định việc ứng dụng và chuyển giao KHCN, ĐMST&CĐS là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền, là nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ KHCN, ĐMST&CĐS vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương; xác định rõ trách nhiệm, đặc biệt là người đứng đầu tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KHCN, ĐMST&CĐS.

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai các đề án chuyên ngành, lĩnh vực nhằm xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với địa phương, ưu tiên tập trung, bố trí nguồn lực của tỉnh để nâng cao hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội như: Đề án chuyển đổi số của tỉnh; đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh; Đề án chuyển đổi số du lịch, đề án cửa khẩu thông minh…

2. Đổi mới cơ chế, chính sách

- Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, có cơ chế đặc thù phù hợp với điều kiện của tỉnh để khuyến khích phát triển KHCN, ĐMST&CĐS.

- Cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ KHCN, ĐMST&CĐS, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Tổ chức thực hiện các cơ chế đặc thù do Trung ương ban hành và nghiên cứu xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho các lĩnh vực đặc thù:

cửa khẩu, du lịch, nông nghiệp.

- Cụ thể hóa các quy định của Trung ương và xây dựng quy định của tỉnh về quản lý nhiệm vụ KHCN, ĐMST cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước; Quy chế phối hợp trong quản lý nhiệm vụ KHCN, ĐMST giữa Sở KH&CN với các sở, ban, ngành và các xã trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện thí điểm đầu tư mạo hiểm trong nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thử nghiệm công nghệ mới; từng bước hình thành nguồn quỹ đầu tư mạo hiểm cho nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả làm đầu mối dẫn dắt hoạt động; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển KHCN, ĐMST&CĐS.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, trong đó tập trung vào doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp xây dựng cơ bản và cộng đồng khởi nghiệp trẻ nhằm tăng cường nội lực, giảm phụ thuộc ngân sách nhà nước.

- Khuyến khích hợp tác công - tư trong hoạt động KHCN, ĐMST&CĐS, trong đó ngân sách nhà nước là vốn mồi, doanh nghiệp cùng tham gia thiết kế nhiệm vụ, góp vốn, triển khai và ứng dụng kết quả.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tập trung hỗ trợ các công nghệ và sáng kiến có tiềm năng thị trường, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh, làm hạt nhân hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Rà soát cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau nghiệm thu vào sản xuất, nhất là đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Tiếp cận tư duy "đi tắt - đón đầu", ưu tiên thử nghiệm mô hình mới phù hợp điều kiện quy mô của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế đặc thù về nhân lực, đầu tư hạ tầng số; bố trí vốn mồi KH&CN.

- Hoàn thiện chương trình nghiên cứu ứng dụng ở một số ngành, lĩnh vực trọng yếu và một số vùng của tỉnh.

- Triển khai nghiên cứu, xây dựng chính sách thúc đẩy việc cấp, sử dụng chữ ký số để phù hợp với điều kiện kinh tế và tăng số lượng tổ chức, cá nhân tham gia

sử dụng dịch vụ công trực tuyến và giao dịch điện tử.

- Hoàn thiện Khung kiến trúc số, Kiến trúc dữ liệu đưa ra các quy định về các nguyên tắc, mô hình tham chiếu, tiêu chuẩn kỹ thuật và các thành phần cốt lõi của hệ thống công nghệ phục vụ chuyển đổi số tại địa phương.

- Hoàn thiện các chính sách, thúc đẩy, bảo đảm trong quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng như: trạm BTS, Trung tâm dữ liệu, Trạm mặt đất vệ tinh phục vụ kết nối vệ tinh với mạng internet hoặc mạng viễn thông mặt đất...).

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về thí điểm mô hình chuyển đổi số một số lĩnh vực, ngành trọng điểm, đảm bảo phù hợp với nguồn lực, điều kiện địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đầu tư phát triển hệ thống nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm đảm bảo tiên tiến hiện đại, tập trung cho công nghệ có thế mạnh mang tính chiến lược của tỉnh, nhất là đối với tổ chức KH&CN công lập của tỉnh, giữ vai trò thúc đẩy, dẫn dắt hoạt động KH,CN&ĐMST của tỉnh.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

- Sắp xếp các tổ chức KH&CN công lập theo định hướng về tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập, có chức năng hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh, liên kết với Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia và với các địa phương trong cả nước.

- Từng bước đổi mới hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN tỉnh với tên gọi Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Cao Bằng, đồng thời mở rộng chức năng về tài trợ, hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (thực hiện theo Điều 65, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025).

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số; có chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.

- Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu của địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng; phát triển Trung tâm dữ liệu tỉnh, dữ liệu dùng chung.

- Hoàn thiện Khung kiến trúc số; xây dựng và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số dùng chung, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số như: Nền tảng định danh và xác thực điện tử, nền tảng bản đồ số Cao Bằng; chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh phát triển, nâng cấp cơ sở hạ tầng mạng di động đảm bảo chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học, điểm du lịch của tỉnh; đẩy mạnh phủ sóng di động 4G, 5G đặc biệt tại các trung tâm phường, xã.

- Đầu tư, nâng cấp, mở rộng hạ tầng số triển khai các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh hoạt động thông suốt, hiệu quả như: Hệ thống hội nghị truyền hình, Trung tâm giám sát điều hành (IOC), cung cấp dịch vụ công trực tuyến…

- Sẵn sàng triển khai các hoạt động thí điểm các công nghệ thế hệ tiếp theo (công nghệ di động 6G; wifi thế hệ mới; vệ tinh,…); Triển khai sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) cho toàn bộ mạng cấp tỉnh.

- Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Thúc đẩy phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn như giao thông, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, khu kinh tế cửa khẩu… để phát triển kinh tế số tại địa phương, nâng cao tính cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ, trọng tâm là các nền tảng: định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số.

- Tiện ích số được thiết kế để cung cấp hạ tầng mềm cho người dân và doanh nghiệp thực hiện các chức năng cốt lõi của giao dịch số - bắt đầu từ danh tính số,

thanh toán số, hóa đơn số, xác minh tài liệu số và trao đổi dữ liệu. Các tiện ích số và các nền tảng cung cấp công nghệ số như dịch vụ mới sẽ được phát triển đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế số, xã hội số của địa phương.

- Khuyến khích khai thác, sử dụng dịch vụ công nghệ AI, blockchain, IoT để thông minh hoá, tự động hoá các hoạt động kinh tế, xã hội.

4. Phát triển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Phát triển nguồn nhân lực đủ khả năng tiếp thu và chuyển giao các công nghệ tiên tiến. Phát triển mạng lưới kết nối nhân tài, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học ở trong và ngoài nước.

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST&CĐS. Nghiên cứu, triển khai các cơ chế, chính sách của Trung ương về học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Thực hiện cơ chế, chính sách thu hút người có trình độ cao làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương tại tỉnh. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh.

- Có chính sách đãi ngộ, trọng dụng, tôn vinh, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để phát huy tài năng, lao động sáng tạo của đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học trong tỉnh; đồng thời chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích, có phát minh, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc.

- Phát triển đội ngũ trí thức đủ năng lực, trình độ đáp ứng hoạt động ứng dụng công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức khoa học uy tín trong và ngoài nước.

- Tiếp tục tham mưu, thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về KH&CN, CNTT, cho đội ngũ cán bộ, tài năng, trí thức trẻ, trí thức người dân tộc thiểu số ít người.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Gắn đào tạo đại học, sau đại học với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và lĩnh vực trọng yếu.

- Triển khai các chương trình đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TCVN, ISO và các quy chuẩn kỹ thuật trong sản xuất và cung ứng dịch vụ.

- Chỉ đạo tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ KH&CN, ĐMST&CĐS gắn với việc tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình trọng tâm về xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực ở nông thôn; ban hành chính sách đột phá để thu hút các nhà khoa học, chuyên gia trình độ cao, nhân tài, đồng thời "đặt hàng" đào tạo với các cơ sở uy tín.

- Chỉ đạo triển khai đào tạo trực tiếp và trực tuyến, mở đại trà cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp; Thúc đẩy, nâng cao hiệu quả triển khai bình dân học vụ số trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số làm việc tại các đơn vị, địa phương. Cử cán bộ có năng lực tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu phù hợp với chuẩn của trong nước và quốc tế về quản trị mạng, an toàn, bảo mật thông tin, chuyển đổi số, giao dịch điện tử, IoT, AI…

- Có cơ chế khuyến khích, chính sách thuê chuyên gia, nhân lực chất lượng cao tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số, an toàn an ninh thông tin của tỉnh; cơ chế, chính sách bồi dưỡng, đào tạo lại và giữ chân nhân lực chuyển đổi số có chất lượng trong toàn hệ thống chính trị của tỉnh.

5. Nâng cao nhận thức và phát triển kỹ năng số toàn diện cho người dân

- Đẩy mạnh truyền thông, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng, đa nền tảng về vai trò của kỹ năng số đối với đời sống, sản xuất và tiếp cận dịch vụ công. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục "Bình dân học vụ số"; sản xuất các ấn phẩm truyền thông trực quan, dễ hiểu để khuyến khích người dân tham gia học tập. Lồng ghép hoạt động phổ cập kỹ năng số trong Ngày Chuyển đổi số hằng năm và các phong trào thi đua ở cơ sở.

- Phát triển nền tảng học tập số và kho học liệu dùng chung: Xây dựng, hoàn thiện và vận hành nền tảng học trực tuyến MOOCs của tỉnh; phát triển hệ thống bài giảng, video hướng dẫn, tài liệu số hóa theo Khung kỹ năng số cơ bản cho từng nhóm đối tượng. Đảm bảo mọi người dân có thể truy cập, tự học và được hỗ trợ học tập mọi lúc, mọi nơi.

- Tổ chức đa dạng các hình thức đào tạo kỹ năng số: Triển khai các lớp bồi dưỡng trực tiếp tại cộng đồng; mở rộng các khóa đào tạo trực tuyến trên nền tảng MOOCs; lồng ghép nội dung kỹ năng số trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hiện có. Ưu tiên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi, nông dân, phụ nữ và người lao động trong doanh nghiệp.

- Phát huy các lực lượng hỗ trợ học tập tại cơ sở: Củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực cho Tổ chuyển đổi số cộng đồng; xây dựng mạng lưới "Đại sứ số" cấp xã, thôn, tổ dân phố; huy động lực lượng thanh niên tình nguyện triển khai hoạt động "đi từng ngõ, gõ từng nhà" hướng dẫn kỹ năng số cơ bản.

- Triển khai phong trào học tập kỹ năng số trong cộng đồng: Phát động và nhân rộng các mô hình thực hành kỹ năng số như "Gia đình số", "Tổ dân phố số", "Chợ số - Nông thôn số", "Góc học tập số cộng đồng". Tổ chức thi đua, đánh giá, công nhận điển hình tiên tiến; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia xã hội hóa, hỗ trợ thiết bị và đường truyền.

- Kiểm tra, đánh giá, xác nhận kỹ năng số: Tổ chức đánh giá và xác nhận trình độ kỹ năng số thông qua các bài kiểm tra trực tuyến, bảo đảm thống nhất theo Khung kỹ năng số cơ bản.

6. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp xây dựng cơ bản và cộng đồng khởi nghiệp trẻ

- Phát triển văn hóa học hỏi, tinh thần đổi mới sáng tạo; tạo chuyển biến mạnh về tư duy, khuyến khích học tập suốt đời; thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo trong cán bộ, doanh nghiệp và người dân, coi đây là nền tảng quan trọng cho chuyển đổi số.

- Có các chính sách ưu đãi, phù hợp, khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua thu hút doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), hợp tác xã, hộ kinh doanh với quy mô nhỏ về nhân lực và nguồn vốn, chủ yếu hoạt động theo hình thức truyền thống, tự tạo, tự lập…trình độ lao động thấp, trang thiết bị lạc hậu, … theo đó cần triển khai các chương trình hỗ trợ phù hợp với điều kiện địa phương, như: Tập trung hỗ trợ phát triển các ngành sản xuất nông, lâm nghiệp, du lịch - dịch vụ để khai thác hiệu quả tiềm năng của địa phương. Khuyến khích phát triển các sản phẩm OCOP, nông sản đặc trưng của tỉnh. Triển khai kế hoạch nâng cao năng suất chất lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, giúp doanh nghiệp nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa

học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, các công cụ nâng cao năng suất và chất lượng (NSCL).

- Có giải pháp thực thi mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả các chính sách của Nhà nước khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động trên địa bàn.

- Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược có quy mô tại tỉnh để dẫn dắt chuyển đổi số, phát triển hạ tầng số; thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số triển khai các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số tại địa phương. Thực thi hiệu quả các chính sách thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi số và đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tập trung hỗ trợ các công nghệ và sáng kiến có tiềm năng thị trường, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh, làm hạt nhân hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Đánh giá tổng thể về trình độ và năng lực công nghệ trong các lĩnh vực, ngành sản xuất trọng điểm của tỉnh; Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cấp tỉnh, lộ trình đổi mới công nghệ các lĩnh vực, ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh; Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, triển khai lộ trình đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ, năng lực đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

- Khuyến khích hợp tác công - tư trong hoạt động KHCN, ĐMST&CĐS, trong đó ngân sách nhà nước là vốn mồi, doanh nghiệp cùng tham gia thiết kế nhiệm vụ, góp vốn, triển khai và ứng dụng kết quả. Chuyển đổi nguyên tắc hỗ trợ từ hỗ trợ phân khúc sang hỗ trợ theo chuỗi giá trị, từ ý tưởng nghiên cứu, triển khai hoàn thiện công nghệ sản xuất, đến thương mại hóa sản phẩm.

- Hiện đại hóa các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường trên cơ sở chuyển đổi số, thực hiện số hóa toàn diện. Thí điểm và nhân rộng, phổ cập các mô hình thành công về chuyển đổi số cho các ngành, các cấp hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Gắn chuyển đổi số với chuyển đổi xanh; gắn đổi mới sáng tạo với chuyển đổi sinh kế và cộng đồng; hỗ trợ người dân ứng dụng chuyển đổi số trong đời sống, như: bán hàng online, thanh toán số, thương mại điện tử hộ gia đình, dự báo thiên tai, quản lý dữ liệu sản xuất, maketing số...

- Phát triển văn hóa học hỏi, tinh thần đổi mới sáng tạo; tạo chuyển biến mạnh về tư duy, khuyến khích học tập suốt đời; thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo trong cán bộ, doanh nghiệp và người dân, coi đây là nền tảng quan trọng cho chuyển đổi số.

- Có biện pháp đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, đảm bảo tỷ trọng kinh tế số các ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 30%; tăng cường ứng dụng sản xuất, dịch vụ thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, kinh tế cửa khẩu, du lịch, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Đẩy mạnh ứng dụng KH,CN&CĐS vào các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh

- Về chính quyền số: Hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số, nền tảng số, hoạt động của Trung tâm Giám sát và điều hành thông minh (IOC); thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; Tăng cường hiệu quả phối hợp với các Tập đoàn công nghệ lớn (như: VNPT, Viettel, Học viện Công nghệ bưu chính, viễn thông…), các Tập đoàn đang có các sản phẩm công nghệ thông tin cung cấp cho Chính phủ và các địa phương, triển khai xây dựng các nền tảng, hệ thống thông tin mang tính hệ thống, để thuận lợi trong việc tích hợp, liên thông các hệ thống, khai thác chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung.

- Về kinh tế số: Đẩy mạnh phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử cho các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc hữu, xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình hoạt động, áp dụng thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, nền tảng quản trị số; triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, khuyến khích phát triển các sản phẩm, nền tảng số, công nghệ lõi, tăng năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng di động băng thông rộng tốc độ cao đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu vực dân sinh; tăng tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng; Triển khai các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Về xã hội số: phổ cập kỹ năng số toàn dân thông qua các Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại từng tổ dân phố, xóm; đồng thời đẩy mạnh phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào "học tập số" thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức và người dân; Triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng công dân số, mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, tài khoản số, kỹ năng số, được bảo đảm an toàn và niềm tin số; Phát triển và nâng cao hiệu quả của hệ thống truyền thanh cơ sở; Triển khai các kênh tương tác trực tuyến, tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

- Về lĩnh vực nông nghiệp: Tập trung ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học vào nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch, hữu cơ. Ứng dụng công nghệ cao (IoT, Big Data, Blockchain) trong quản lý, sản xuất, chế biến các sản phẩm chủ lực, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc như: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế; Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số; Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Xem xét thử nghiệm triển khai sáng kiến "Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số" với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ,...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

- Lĩnh vực du lịch: Ứng dụng công nghệ số để phát triển du lịch thông minh, quảng bá, trải nghiệm di sản Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, số hóa di sản, danh lam thắng cảnh, bảo tàng, tạo sản phẩm du lịch trải nghiệm mới; Triển khai thanh toán số, vé điện tử tại các điểm du lịch.

Xây dựng và hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh, chủ động đáp ứng nhu cầu đặc thù, chuyên biệt của thị trường khách du lịch, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối hiệu quả, tạo môi trường cho cộng đồng, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với xu hướng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đáp ứng yêu cầu về đổi mới phương thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; Thúc đẩy triển khai dữ liệu số du lịch, trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch.

Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh các dịch vụ du lịch, dịch vụ lữ hành, lưu trú, đặc biệt là cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số, nền tảng thương mại điện tử, thúc đẩy các hoạt động quảng bá, tuyên truyền về du lịch địa phương trên các mạng xã hội, nền tảng booking; ứng dụng công nghệ thực tế ảo vào phát triển du lịch địa phương.

- Lĩnh vực kinh tế cửa khẩu: Xây dựng hạ tầng số tại cửa khẩu: triển khai hệ thống quản lý hải quan, logistics, thanh toán điện tử, truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

Tăng cường ứng dụng KHCN trong giám sát, kiểm tra như: dùng IoT, camera AI, thiết bị đo lường, kiểm định nhanh để bảo đảm chất lượng, an toàn hàng hóa. Đẩy mạnh kết nối liên thông với Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành.

- Công nghiệp chế biến và khoáng sản: Khuyến khích đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường trong khai thác và chế biến sâu khoáng sản; xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động; Triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên, công nghiệp chế biến, khoáng sản; hoàn thiện bản đồ số của tỉnh, triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố, cảnh báo sớm thiên tai.

8. Giám sát, đánh giá

- Tham mưu xây dựng hệ thống giám sát trực tuyến để theo dõi tiến độ triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch. Đảm bảo công khai các thông tin về tiến độ, nguồn lực sử dụng và kết quả thực hiện của từng nhiệm vụ để các bên liên quan truy cập thông tin.

- Tham mưu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả dựa trên các mục tiêu cụ thể của kế hoạch. Thiết lập thước đo định lượng và định tính để đảm bảo đánh giá chính xác và toàn diện.

- Tham mưu tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất để đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp. Ứng dụng công nghệ số như AI và Big Data để phân tích và giám sát các chỉ số hiệu quả trong thời gian thực. Yêu cầu các đơn vị liên quan gửi báo cáo tiến độ để tổng hợp và phân tích. Công khai báo trên hệ thống giám sát của tỉnh để tăng cường tính minh bạch.

IV- KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Từ nguồn ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương).

- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa, vốn đầu tư từ doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân; căn cứ điều kiện, tình hình của địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả.

2. Đảng uỷ Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách về thực hiện các nội dung đột phá về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phân bổ nguồn lực và tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch này nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và tổ chức triển khai thực hiện.

4. Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở địa phương.

5. Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch cụ thể chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư TW Đảng, (báo cáo)
- Văn phòng TW Đảng,
- Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Lãnh đạo Văn phòng,
- Các phòng: TH, CY-CNTT,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

T/M TỈNH UỶ
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY CAO BẰNG

Quản Minh Cường

PHỤ LỤC

LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2025-2030

(kèm theo Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 28 /11/2025 của Tỉnh uỷ Cao Bằng)

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì thực hiện	Thời gian hoàn thành	Lộ trình triển khai
1	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch đột phá của Tỉnh uỷ về KH,CN, ĐMST&CĐS	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	Tháng 12/2025	2025-2026
2	Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đột phá của Tỉnh uỷ về KH,CN,ĐMST&CĐS	Đảng uỷ UBND tỉnh	Tháng 12/2025	2025-2026
3	Hoàn thiện các cơ chế, chính sách	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ		2026-2030
3.1	*Các cơ chế đặc thù phù hợp với điều kiện của tỉnh để khuyến khích phát triển KH,CN,ĐMST&CĐS*	*Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ*	*Quý IV/2026*	*2026-2030*
3.2	*Quy chế phối hợp trong quản lý nhiệm vụ KHCN, ĐMST giữa Sở KH&CN với các sở, ban, ngành và các xã trên địa bàn tỉnh.*	*Đảng uỷ UBND tỉnh*	*Quý IV/2026*	*2025-2026*
4	Đề xuất hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ		2026-2030

20	Duy trì kết quả, mở rộng ứng dụng	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	2029	2029-2030
21	Tổng kết, đánh giá và điều chỉnh cơ chế, phương thức triển khai phù hợp	Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ	2030	2030